

Mã phiếu

--	--	--	--	--

(ĐTV không ghi)

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

PHIẾU KHẢO SÁT DOANH NGHIỆP

Để làm cơ sở cho hoạch định chính sách về đào tạo nghề nghiệp gắn với việc làm đáp ứng thị trường lao động, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Anh/Chị cung cấp thông tin theo bảng hỏi. Chúng tôi cam kết những thông tin Anh/Chị cung cấp sẽ được giữ bí mật.

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên doanh nghiệp:
2. Điện thoại: Fax Email:
3. Địa chỉ (trụ sở chính):
4. Ngành nghề Sản xuất - Kinh doanh chính?

(Mã ngành cấp 3_ ĐTV không ghi)

--	--	--

5. Loại hình sở hữu (đánh dấu “X” vào ô vuông tương ứng)

- | | |
|---------------------------------------|--------------------------|
| Doanh nghiệp Nhà nước | ☐ |
| Doanh nghiệp ngoài Nhà nước | ☐ |
| Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | ☐ |
| Cơ sở sản xuất - kinh doanh | ☐ |

B. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

6. Số lao động bình quân làm việc tại doanh nghiệp?

Đơn vị: Người

	Trình độ chuyên môn kỹ thuật	Năm 2016	Năm 2017	30/6/2018
1	Không có trình độ CMKT			
2	Công nhân kỹ thuật không có bằng nghề/Chứng chỉ nghề			
3	Chứng chỉ/Chứng nhận học nghề ngắn hạn (dưới 3 tháng)			
4	Sơ cấp nghề/Có chứng chỉ học nghề hoặc chứng nhận học nghề ngắn hạn từ 3 tháng đến dưới 12 tháng			
5	Trung cấp (Trung cấp nghề; Trung cấp chuyên nghiệp)			
6	Cao đẳng (Cao đẳng nghề; Cao đẳng)			
7	Đại học trở lên			
	Tổng số			

7. Số lao động **QUA ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP** làm việc phân theo nghề đào tạo trọng điểm?

Đơn vị: Người

Tên nghề	Ghi Mã nghề (theo PHỤ LỤC đính kèm)	31/12/2016			31/12/2017			30/6/2018		
		Sơ cấp	Trung cấp (Trung cấp nghề; Trung cấp chuyên nghiệp)	Cao đẳng (Cao đẳng nghề; Cao đẳng)	Sơ cấp	Trung cấp (Trung cấp nghề; Trung cấp chuyên nghiệp)	Cao đẳng (Cao đẳng nghề; Cao đẳng)	Sơ cấp	Trung cấp (Trung cấp nghề; Trung cấp chuyên nghiệp)	Cao đẳng (Cao đẳng nghề; Cao đẳng)
Tổng số										

8. Mức thu nhập bình quân mà doanh nghiệp trả cho lao động QUA ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP?

Đơn vị: 1000 VNĐ/người/tháng

Tên nghề	Ghi Mã nghề (theo PHỤ LỤC đính kèm)	Năm 2016			Năm 2017			6 tháng đầu năm 2018		
		Sơ cấp	Trung cấp (Trung cấp nghề; Trung cấp chuyên nghiệp)	Cao đẳng (Cao đẳng nghề; Cao đẳng)	Sơ cấp	Trung cấp (Trung cấp nghề; Trung cấp chuyên nghiệp)	Cao đẳng (Cao đẳng nghề; Cao đẳng)	Sơ cấp	Trung cấp (Trung cấp nghề; Trung cấp chuyên nghiệp)	Cao đẳng (Cao đẳng nghề; Cao đẳng)
Tổng số										

9. Xin cho biết, tầm quan trọng của các năng lực/kỹ năng mà doanh nghiệp yêu cầu đối với lao động QUA ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP?

(Đánh dấu “X” vào ô lựa chọn)

Năng lực/kỹ năng	5 Rất quan trọng	4 Quan trọng	3 Bình thường	2 Ít quan trọng	1 Không quan trọng
1. Năng lực chuyên môn/nghề vụ	☐	☐	☐	☐	☐
2. Ngoại ngữ	☐	☐	☐	☐	☐
3. Tin học	☐	☐	☐	☐	☐
4. Kỹ năng giao tiếp	☐	☐	☐	☐	☐
5. Kỹ năng làm việc nhóm	☐	☐	☐	☐	☐
6. Kỹ năng an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp	☐	☐	☐	☐	☐
7. Kỹ năng kinh doanh	☐	☐	☐	☐	☐
8. Kỹ năng tư duy sáng tạo, tính chủ động	☐	☐	☐	☐	☐
9. Kỹ năng giải quyết vấn đề	☐	☐	☐	☐	☐
10. Kỹ năng quản lý thời gian	☐	☐	☐	☐	☐
11. Kỹ năng tập trung	☐	☐	☐	☐	☐
12. Kỹ năng khác (ghi cụ thể)	☐	☐	☐	☐	☐
.....					
.....					

10. Xin cho biết, mức độ đáp ứng về năng lực/kỹ năng khi thực hiện công việc của lao động QUA ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP?

(Đánh dấu “X” vào ô lựa chọn)

Năng lực/kỹ năng	5 Đáp ứng tốt	4 Đáp ứng khá tốt	3 Bình thường	2 Đáp ứng một phần	1 Không đáp ứng
1. Năng lực chuyên môn/nghề vụ	☐	☐	☐	☐	☐
2. Ngoại ngữ	☐	☐	☐	☐	☐
3. Tin học	☐	☐	☐	☐	☐
4. Kỹ năng giao tiếp	☐	☐	☐	☐	☐
5. Kỹ năng làm việc nhóm	☐	☐	☐	☐	☐
6. Kỹ năng an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp	☐	☐	☐	☐	☐
7. Kỹ năng kinh doanh	☐	☐	☐	☐	☐
8. Kỹ năng tư duy sáng tạo, tính chủ động	☐	☐	☐	☐	☐
9. Kỹ năng giải quyết vấn đề	☐	☐	☐	☐	☐
10. Kỹ năng quản lý thời gian	☐	☐	☐	☐	☐
11. Kỹ năng tập trung	☐	☐	☐	☐	☐
12. Kỹ năng khác (ghi cụ thể)	☐	☐	☐	☐	☐
.....					
.....					

C. TUYỂN DỤNG

11. Doanh nghiệp tuyển lao động QUA ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP qua các hình thức nào là chủ yếu?

(Ghi theo thứ tự, với 1 là hình thức phổ biến nhất, tối đa 5 lựa chọn)

Thứ tự
Qua các Trung tâm dịch vụ việc làm
Qua các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
Qua thông báo tuyển lao động tại doanh nghiệp
Qua các cơ sở giáo dục nghề nghiệp
Qua các phương tiện thông tin đại chúng
Qua cổ đông, người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp
Qua người thân, bạn bè
Khác, (ghi cụ thể)

12. Xin cho biết mức độ khó khăn khi tuyển dụng lao động QUA ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP?

1. Rất khó khăn ☐ 2. Khó khăn ☐ 3. Bình thường ☐ 4. Không khó ☐

Nếu đánh giá là “Rất khó khăn” và “Khó khăn”:

12.1. Xin cho biết tên 5 nghề hiện khó tuyển lao động QUA ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP? (Ghi theo thứ tự, với 1 là nghề khó tuyển nhất)

STT	Tên nghề (Ghi Mã nghề theo PHỤ LỤC đính kèm)	Lý do (Có thể đánh dấu “X” vào nhiều lý do)						
		Trên địa bàn không có đủ nguồn lao động	Trình độ tay nghề của lao động không đáp ứng được yêu cầu	Doanh nghiệp thiếu bộ phận/cán bộ chuyên trách về tuyển dụng	Cạnh tranh với doanh nghiệp khác trên cùng địa bàn	Tâm lý của người lao động không thích làm việc tại địa phương nơi cư trú	Mức lương doanh nghiệp trả chưa đáp ứng được yêu cầu của lao động	Lý do Khác:
1.								
2.								
3.								
4.								
5.								

12.2. Doanh nghiệp có giải pháp gì để khắc phục khó khăn trong tuyển dụng lao động QUA ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP vào làm việc?
(Ghi theo thứ tự ưu tiên, với 1 là giải pháp ưu tiên nhất)

	Thứ tự
Trả mức lương phù hợp	
Nâng cao điều kiện/môi trường làm việc tại doanh nghiệp	
Lập bộ phận chuyên trách về tuyển dụng	
Tăng cường gắn kết với cơ sở GDNN trong tuyển dụng và đào tạo lao động	
Tăng cường gắn kết với trung tâm DVVL trong tuyển dụng lao động	
Đào tạo tại doanh nghiệp	
Giải pháp khác:.....	
.....	

D. ĐÀO TẠO

13. Doanh nghiệp có tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho lao động QUA ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP không?

1. Có ☐ 2. Không ☐ ----→ Chuyển Câu 14

Nếu “Có”:

13.1.Xin cho biết lý do đào tạo?(Ghi theo thứ tự, với 1 là lý do chủ yếu nhất)

	Thứ tự	
	Lao động đang làm việc tại doanh nghiệp	Lao động mới được tuyển dụng
Nâng cao năng lực chuyên môn/nghề vụ		
Thay đổi/cập nhật công nghệ		
Do thay đổi chiến lược/lĩnh vực sản xuất - kinh doanh		
Lao động bị thiếu hụt kỹ năng mềm (thu thập, xử lý, quản lý thông tin; đưa ra quyết định và giải quyết vấn đề, quy định về an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp, bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng, kỹ năng làm việc nhóm,...)		
Chuyển đổi vị trí việc làm		
Lý do khác:.....		

13.2. Nơi đào tạo cho lao động QUA ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP? (Đánh dấu “X” vào ô lựa chọn)

Nơi đào tạo	Lao động đang làm việc tại doanh nghiệp	Lao động mới được tuyển dụng
1. Tại doanh nghiệp đang làm việc		
2. Doanh nghiệp khác		
3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp		
4. Khác (ghi rõ).		

13.3. Chi phí đào tạo cho lao động QUA ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP do ai chi trả? (Đánh dấu “X” vào ô lựa chọn)

Người chi trả	Lao động đang làm việc tại doanh nghiệp	Lao động mới được tuyển dụng
1. Doanh nghiệp		
2. Người lao động		
3. Cả doanh nghiệp và người lao động		
4. Khác:		

13.4. Thời gian bình quân để đào tạo cho lao động QUA ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP? (Đánh dấu “X” vào ô lựa chọn)

Thời gian	Lao động đang làm việc tại doanh nghiệp	Lao động mới được tuyển dụng
1. Dưới 1 tháng		
2. Từ 1 đến 3 tháng		
3. Từ 3 đến 6 tháng		
4. Từ 6 đến 12 tháng		
5. Trên 12 tháng		

13.5. Những kỹ năng/năng lực mà doanh nghiệp tổ chức đào tạo/bồi dưỡng cho người lao động QUA ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP?

(Ghi theo thứ tự, với 1 là kỹ năng/năng lực được ưu tiên nhất)

	Thứ tự
Năng lực chuyên môn/nghề vụ	
Ngoại ngữ	
Tin học	
Kỹ năng giao tiếp	
Kỹ năng làm việc nhóm	
Kỹ năng an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp	
Kỹ năng kinh doanh	
Kỹ năng tư duy sáng tạo, tính chủ động	
Kỹ năng giải quyết vấn đề	
Kỹ năng quản lý thời gian	
Kỹ năng tập trung	
Kỹ năng khác (ghi cụ thể)	
.....	
.....	

14. Doanh nghiệp có hợp tác với cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong đào tạo không?

1. Có ☐ 2. Không ☐

Nếu “Có”, xin cho biết về nội dung hợp tác?

(Ghi theo thứ tự ưu tiên, với 1 là hình thức hợp tác được sử dụng nhiều nhất)

	Thứ tự
Tham gia xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo	
Tham gia xây dựng chuẩn đầu ra; danh mục ngành, danh mục thiết bị đào tạo	
Tiếp nhận và hướng dẫn học viên thực tập tại doanh nghiệp	
Tham gia, đánh giá kết quả học tập của người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	
Gửi lao động đến học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp	
Cử cán bộ đến giảng dạy tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp	
Tiếp nhận nhà giáo đến tham quan, thực tập tại doanh nghiệp	
Cung cấp thông tin về nhu cầu đào tạo, tuyển dụng lao động của doanh nghiệp	
Liên kết tổ chức đào tạo với cơ sở giáo dục nghề nghiệp	
Hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị; cấp học bổng cho học sinh, sinh viên của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	
Chia sẻ chi phí trong hoạt động đào tạo	
Hình thức khác:	

E. NHU CẦU SỬ DỤNG LAO ĐỘNG QUA ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP

15. Dự kiến tổng số lao động QUA ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP doanh nghiệp sẽ TUYỂN MỚI?

Đơn vị: Người

Tên nghề	Ghi Mã nghề (theo PHỤ LỤC đính kèm)	Năm 2019			Năm 2020			Năm 2021		
		Sơ cấp	Trung cấp (Trung cấp nghề; Trung cấp chuyên nghiệp)	Cao đẳng (Cao đẳng nghề; Cao đẳng)	Sơ cấp	Trung cấp (Trung cấp nghề; Trung cấp chuyên nghiệp)	Cao đẳng (Cao đẳng nghề; Cao đẳng)	Sơ cấp	Trung cấp (Trung cấp nghề; Trung cấp chuyên nghiệp)	Cao đẳng (Cao đẳng nghề; Cao đẳng)
Tổng số										

Xin cho biết, Lý do sẽ tuyển dụng lao động QUA ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP ở các nghề này?

(Ghi theo thứ tự ưu tiên, với 1 là lý do được ưu tiên nhất)

	Thứ tự
Đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động sản xuất-kinh doanh	
Mở rộng ngành nghề, loại hình hoạt động sản xuất - kinh doanh	
Thay đổi chiến lược/lĩnh vực sản xuất - kinh doanh	
Thay đổi/cập nhật công nghệ	
Sắp xếp, tổ chức lại lao động	
Lý do khác.....	
.....	
.....	

16. Để đáp ứng yêu cầu công việc trong tương lai, cần đào tạo thêm những năng lực/kỹ năng nào cho lao động QUA ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP?

(Ghi theo thứ tự ưu tiên, với 1 là năng lực/kỹ năng được ưu tiên nhất)

	Thứ tự
Năng lực chuyên môn/ng nghiệp vụ	
Ngoại ngữ	
Tin học	
Kỹ năng giao tiếp	
Kỹ năng làm việc nhóm	
Kỹ năng an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp	
Kỹ năng kinh doanh	
Kỹ năng tư duy sáng tạo, tính chủ động	
Kỹ năng giải quyết vấn đề	
Kỹ năng quản lý thời gian	
Kỹ năng tập trung	
Kỹ năng khác (ghi cụ thể)	

17. Nghề và số lao động QUA ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP doanh nghiệp dự kiến sẽ CẮT GIẢM?

Đơn vị: Người

Tên nghề	Ghi Mã nghề (theo PHỤ LỤC đính kèm)	Năm 2019			Năm 2020			Năm 2021		
		Sơ cấp	Trung cấp (Trung cấp nghề; Trung cấp chuyên nghiệp)	Cao đẳng (Cao đẳng nghề; Cao đẳng)	Sơ cấp	Trung cấp (Trung cấp nghề; Trung cấp chuyên nghiệp)	Cao đẳng (Cao đẳng nghề; Cao đẳng)	Sơ cấp	Trung cấp (Trung cấp nghề; Trung cấp chuyên nghiệp)	Cao đẳng (Cao đẳng nghề; Cao đẳng)
Tổng số										

Xin cho biết Lý do cắt giảm lao động trong các nghề này?(Ghi theo thứ tự ưu tiên, với 1 là lý do được ưu tiên nhất)

Doanh nghiệp thu hẹp quy mô hoạt động sản xuất - kinh doanh
 Do thay đổi chiến lược/lĩnh vực sản xuất - kinh doanh
 Thay đổi/cập nhật công nghệ
 Do sắp xếp, tổ chức lại lao động
 Lý do khác.....

Thứ tự

18. Để lao động QUA ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP đáp ứng tốt hơn với yêu cầu công việc, doanh nghiệp có những đề xuất gì?

18.1. Đối với người lao động qua đào tạo nghề nghiệp:

18.2.Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

18.3. Đối với cơ quan quản lý nhà nước về GDNN:

18.4. Đối với Nhà nước:

18.5. Ý kiến khác:.....

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý doanh nghiệp!

Đại diện doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục. DANH MỤC NGHỀ TRỌNG ĐIỂM

Mã nghề	Nghệ thuật trình diễn	Mã nghề	Công nghệ kỹ thuật
1	Biểu diễn nhạc cụ phương Tây	53	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
2	Thanh nhạc	54	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng
3	Quay phim	55	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông
	Mỹ thuật ứng dụng	56	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
4	Thiết kế đồ họa	57	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
5	Gia công và thiết kế sản phẩm mộc	58	Công nghệ kỹ thuật giao thông
	Kinh doanh và quản lý	59	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc
6	Logistic	60	Công nghệ kỹ thuật môi trường
7	Thương mại điện tử	61	Công nghệ kỹ thuật ô tô
8	Kế toán	62	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng
9	Quản lý khai thác công trình thủy lợi	63	Công nghệ ô tô
	Khoa học sự sống	64	Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy
10	Công nghệ sinh học	65	Xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi
	Máy tính và công nghệ thông tin		Kỹ thuật hóa học, vật liệu luyện kim và môi trường
11	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	66	Xử lý nước thải công nghiệp
12	Công nghệ thông tin	67	Cấp thoát nước
13	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)		Chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống
14	Lập trình máy tính	68	Chế biến thực phẩm
15	Quản trị mạng máy tính	69	Chế biến và bảo quản thủy sản
	Công nghệ dầu khí và khai thác	70	Công nghệ chế biến chè
16	Vận hành thiết bị chế biến dầu khí	71	Công nghệ thực phẩm
	Kỹ thuật		Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da
17	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	72	Công nghệ da giày
18	Cắt gọt kim loại	73	Công nghệ may
19	Chế tạo khuôn mẫu	74	Công nghệ may và thời trang
20	Chế tạo thiết bị cơ khí	75	May thời trang
21	Cơ điện nông thôn	76	Thiết kế thời trang
22	Cơ điện tử		Kiến trúc và xây dựng
23	Cơ khí chế tạo	77	Mộc xây dựng và trang trí nội thất

24	Hàn	78	Xây dựng cầu đường bộ
25	Điện công nghiệp	79	Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ
26	Điện tàu thủy		Nông, lâm nghiệp và thủy sản
27	Điện tử công nghiệp	80	Bảo vệ thực vật
28	Kỹ thuật lắp đặt đài trạm viễn thông	81	Chăn nuôi - Thú y
29	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp	82	Lâm sinh
30	Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ	83	Lâm sinh - Thú y
31	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	84	Nuôi trồng thủy sản
32	Kỹ thuật máy nông nghiệp	85	Trồng trọt
33	Kỹ thuật truyền dẫn quang và vô tuyến	86	Trồng trọt và bảo vệ thực vật
34	Kỹ thuật xây dựng		Thú y
35	Lắp đặt điện công trình	87	Thú y
36	Lắp đặt thiết bị cơ khí		Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân
37	Nguội sửa chữa máy công cụ	88	Hướng dẫn du lịch
38	Sửa chữa máy tàu thủy	89	Kỹ thuật chế biến món ăn
39	Sửa chữa máy thi công xây dựng	90	Nghiệp vụ lễ tân
40	Rèn, dập	91	Nghiệp vụ nhà hàng
41	Vận hành cần, cầu trục	92	Quản trị khách sạn
42	Vận hành máy thi công nền	93	Quản trị khu resort
43	Vận hành máy xây dựng	94	Quản trị lễ tân
44	Vận hành nhà máy thủy điện	95	Quản trị lễ hành
45	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện	96	Quản trị nhà hàng
46	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	97	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống
	Sức khỏe		Dịch vụ vận tải
47	Điều dưỡng	98	Điều khiển phương tiện thủy nội địa
48	Dược	99	Điều khiển tàu biển
49	Hộ sinh	100	Khai thác máy tàu thủy
50	Kỹ thuật dược	101	Xếp dỡ cơ giới tổng hợp
51	Kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng		
52	Kỹ thuật xét nghiệm y học		